

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚC YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

Bản án số: 46/2018/HS-ST
Ngày 28 - 8 - 2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Tiến Lực và ông Đỗ Cao Phong

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Bích - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên tòa: Ông Lưu Hoàng Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Nhà văn hóa tổ 7, phường Trưng Trắc, thành phố Phúc Yên, Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 43/2018/TLST - HS ngày 30 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2018/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo:

Dương Văn S, sinh ngày 16 tháng 6 năm 1997 tại xã B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn G và bà Dương Thị D; vợ, con: Chưa có; tiền án: Có 01 tiền án (Tại bản án hình sự số: 42/2016/HSST ngày 11 tháng 8 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên xử phạt Dương Văn S 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 2009, đã chấp hành xong thời gian thử thách ngày 11 tháng 2 năm 2018); tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20 tháng 4 năm 2018 đến nay, “có mặt”.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

1. Anh Lưu Văn T, sinh năm 1986, “vắng mặt”.

2. Ông Nguyễn Đăng T1, sinh năm 1960, “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 40 phút ngày 19 tháng 4 năm 2018, Dương Văn S đang ngồi uống nước cùng với Nguyễn Văn Q tại khu vực gầm cầu vượt đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai thuộc xã S, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc thì Nguyễn Văn Q rủ S đi Hà Nội có việc, S đồng ý. Sau đó cả 02 thuê xe taxi dù (S không nhớ được biển kiểm soát vì không để ý) của 01 người nam giới không rõ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể đi đến khu vực cầu K thuộc xã T, huyện S, thành phố Hà Nội. Tại đây, Nguyễn Văn Q bảo S ngồi trên xe taxi đợi, còn Nguyễn Văn Q xuống xe gặp 01 người nam giới lạ mặt. Một lúc sau, Nguyễn Văn Q lên xe nói với S: “vừa mua được đồ, xem có ai mua thì anh bán” (S hiểu ý là Nguyễn Văn Q vừa mua được ma túy đá muốn bán lại). Đến khoảng 23 giờ 20 phút cùng ngày, khi xe taxi quay về đến khu vực C thuộc phường P, thành phố P thì S nhận được điện thoại của bạn nghiện mới quen biết tên là C hỏi mua 2.000.000 đồng tiền ma túy đá. Biết Nguyễn Văn Q có ma túy bán nên S đồng ý và hẹn C đến khu vực ngã 3 quán Karaoke L thuộc tổ xx, phường T, thành phố P giao dịch mua bán ma túy, thấy S đồng ý bán ma túy nên C nói với S cứ đưa ma túy cho T, T sẽ trả tiền (T là bạn nghiện mới quen của C với S). Khi xe taxi chở S và Nguyễn Văn Q đến ngã 3 quán Karaoke L ở tổ xx, phường T, thành phố P thì gặp T đang đợi ở đây. S xuống xe đến gặp và nhận của T số tiền 2.000.000 đồng, khi đưa tiền T nói đó là tiền của C nhờ đưa, (S hiểu ý đây là tiền C nhờ T đưa cho S để mua ma túy). S cầm tiền và nói với T sẽ đi lấy hàng đem xuống sau. Nói xong S lên xe taxi cùng Nguyễn Văn Q đi về xã B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Trên đường đi, S đưa cho Nguyễn Văn Q số tiền 2.000.000 đồng và nói đây là tiền có người muốn mua ma túy đá. Nguyễn Văn Q cầm tiền rồi lấy 01 túi ma túy đá và số tiền 100.000 đồng đưa lại cho S (là số tiền chênh lệch Nguyễn Văn Q trả cho S). Khi đến Thôn T, xã B, huyện B, Nguyễn Văn Q bảo S xuống xe để Nguyễn Văn Q đi có việc. Sau đó, S gọi điện đến tổng đài của hãng Taxi 123 để thuê xe thì có anh Lưu Văn T là lái xe taxi biển kiểm soát 88A - xxx.xx đến nhận chở S xuống Phúc Yên. Đến khoảng 1 giờ 30 phút ngày 20 tháng 4 năm 2018, khi xe Taxi do anh T điều khiển chở S đến khu vực ngã 3 quán Karaoke L thuộc tổ xx, phường T thì bị tổ công tác của Công an thành phố Phúc Yên kiểm tra, phát hiện bắt quả tang người cùng tang vật.

Vật chứng của vụ án thu giữ được gồm: Thu tại túi áo khoác bên trái đang mặc của Dương Văn S 01 túi nilon màu trắng, bên trong chứa các chất tinh thể dạng đá màu trắng (S khai là ma túy đá của S đem đi để bán nhưng chưa kịp bán), được niêm phong trong phong bì ký hiệu A1; thu tại túi quần sau bên phải

đang mặc của S số tiền 100.000đồng và 01 điện thoại di động Nokia 3310 màu xanh - trắng đã cũ.

Ngày 20 tháng 4 năm 2018, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Phúc Yên ra Quyết định số 151 trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định đối với mẫu vật niêm phong ký hiệu A1.

Tại Kết luận giám định số 532/KLGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc, kết luận: Tinh thể dạng đá màu trắng của mẫu ký hiệu A1 gửi giám định là ma túy, có khối lượng (trọng lượng) là 1,1348g (Một phẩy một ba bốn tám gam, không kể bao bì), loại Methamphetamine. Hoàn trả đối tượng còn lại sau giám định gồm: 0,8197 gam mẫu cùng toàn bộ bao gói.

Tại Cáo trạng số 46/CT - VKSPY ngày 30 tháng 7 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên truy tố Dương Văn S về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo Dương Văn S khai nhận thành khẩn về hành vi phạm tội của mình như nội dung nêu trên, thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên truy tố về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là đúng, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên luận tội đối với bị cáo: Giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng đối với bị cáo Dương Văn S; sau khi đánh giá tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm tù, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo và đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo không có khiếu nại gì, đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến gì về các hoạt động tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng.

Sau khi thẩm tra các chứng cứ có trong hồ sơ, nghe lời khai của bị cáo, ý kiến của kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; lời khai của người làm chứng; biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 20 tháng 4 năm 2018; phù hợp với vật

chứng thu giữ được. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 1 giờ 30 phút ngày 20 tháng 4 năm 2018, tại khu vực tổ xx, phường T, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc, Công an thành phố Phúc Yên phát hiện bắt quả tang Dương Văn S có hành vi tàng trữ 1,1348g (Một phẩy một ba bốn tám gam) ma túy loại Methamphetamine trên người, với mục đích để bán kiếm lời nhưng chưa kịp bán thì bị Công an thành phố Phúc Yên bắt quả tang và thu giữ toàn bộ tang vật.

Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 có khung hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc truy tố bị cáo theo Cáo trạng số: 46/CT – VKSPY ngày 30 tháng 7 năm 2018 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện tính coi thường pháp luật, đã gây mất trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm chính sách thống nhất quản lý của Nhà nước về chất ma túy. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là thành khẩn khai báo, nhưng trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân xấu, là đối tượng nghiện ma túy; đã bị Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là tái phạm.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã góp phần quan trọng để tệ nạn ma túy gia tăng, gây hiểm họa cho toàn xã hội, gây tác hại cho sức khỏe, làm suy thoái nòi giống, phẩm giá con người và phá hoại hạnh phúc của nhiều gia đình. Vì vậy cần xử lý nghiêm, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại trại giam với mức án như Viện kiểm sát đề nghị mới có tác dụng răn đe, phòng ngừa và giáo dục chung, cũng như giúp bị cáo cải tạo thành người công dân tốt.

[4] Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa làm rõ bị cáo là đối tượng nghiện, không có nghề nghiệp ổn định và không có tài sản. Vì vậy, không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Đối với đối tượng Nguyễn Văn Q sinh năm 1991, ở thôn L, xã S, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, Cơ quan điều tra đã nhiều lần triệu tập nhưng Nguyễn Văn Q không có mặt tại gia đình và địa phương nơi cư trú nên chưa làm rõ được có việc Nguyễn Văn Q mua ma túy và bán lại cho S 01 túi ma túy như S đã khai.

Vì vậy, đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh, khi nào làm rõ xử lý sau.

[6] Đối với đối tượng có tên C, T là người hỏi mua ma túy và đưa tiền cho S để S mang ma túy đến bán, quá trình điều tra chưa làm rõ được nhân thân, lý lịch, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xác minh, khi nào làm rõ xử lý sau.

[7] Đối với anh Lưu Văn T - lái xe Taxi biển kiểm soát 88A – xxx.xx của hãng Taxi 123 đã chở S xuống Phúc Yên để S đi bán ma túy. Quá trình điều xác định khi nhận chở S, anh T không biết được mục đích thuê xe của S nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

[8] Về vật chứng vụ án: Cần tịch thu, tiêu hủy 0,8197 gam ma túy mẫu cùng toàn bộ bao gói cơ quan giám định hoàn lại. Đối với 01 điện thoại di động Nokia 3310 màu xanh trắng đã cũ cơ quan điều tra đã thu giữ. S khai có sử dụng liên lạc với C để bán ma túy, nên cần tịch thu bán sung quỹ Nhà nước. Đối với số tiền 100.000 đồng thu giữ của S xác định là tiền S kiếm lời từ việc mua bán ma túy, cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Phúc Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[10] Về án phí: Buộc bị cáo Dương Văn S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Dương Văn S phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Dương Văn S 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 20 tháng 4 năm 2018.

Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015: Tịch thu, tiêu hủy toàn bộ mẫu vật và bao gói gồm A1 = 0,8197g mẫu được hoàn lại sau giám định; tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 3310 và số tiền 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) của Dương Văn S.

(Vật chứng và tiền nêu trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 30 tháng 7 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên).

Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Dương Văn S phải nộp 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên;
- Công an thành phố Phúc Yên;
- Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cơ quan THA hình sự có thẩm quyền;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hà